

HIMAWARI A1 TEST

Câu 1: Hãy chọn chữ cái cần điền vào chỗ trống



___る
やゆよ



___き
やゆよ



___ま
やみヤ



___たし
わねっ



は___
られね



にほ___
ねんン



___モン
ルトレ



コー___
タラナ

Câu 2: Chọn chữ cái thích hợp điền vào chỗ trống.



く す ー や

や
ろ
れ
ら
り



さ か な ー



ー く



ー ん

HIMAWARI A1 TEST

Câu 3: Hãy chọn số giờ thích hợp.

























Câu 4: Nghe và chọn từ vựng thích hợp.



HIMAWARI A1 TEST

Câu 5: Nối các từ với hình ảnh minh họa thích hợp



じしょ

おちゃ

いしゃ



10

きゅう

じゅう

ろく



クラス

フランス

ロビー

HIMAWARI A1 TEST

Câu 6: Nối các từ với hình ảnh minh họa thích hợp



しちがつ

しがつ

じゅうがつ



さんがつ

いちがつ

はちがつ



くがつ

ろくがつ

ごがつ

HIMAWARI A1 TEST

Câu 7: Nghe và chọn thời gian thích hợp.



一がつ

二がつ



三じ

三がつ



四じ

五じ



五じ

五がつ



七じ

八じ



八がつ

七がつ



九じ

十じ



四がつ

七がつ



七がつ

八がつ



九じ

九がつ



HIMAWARI A1 TEST

Câu 8: Nghe và chọn câu trả lời thích hợp.



10じにねます。

6じにおきます。



8じにねます。

8じにおきます。



いま、8じです。

いま、10がつです。



いま、8じです。

いま、10がつです。



わたしのたんじょうびは4がつです。

わたしのかぞくは5にんです。